

Bản án số: 24/2023/HS-ST

Ngày 28-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Thọ.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Duy Vĩnh.

2. Ông Nguyễn Trường Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1991 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Hồng M; có vợ là Đỗ Thị V, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/7/2014 bị Công an phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi ném chất thải, chất bẩn làm hoen bẩn nơi sản xuất kinh doanh của người khác; bị tạm giữ từ ngày 12/12/2022 đến ngày 21/12/2022 được cho tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Anh Đặng Thái S, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2. Anh Lê Ngọc L, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Anh Phạm Ngọc Đ1, sinh năm 2003; nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
4. Chị Phan Thị B, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
5. Anh Đỗ Mạnh Q, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
6. Anh Lê Văn H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
7. Anh Lê Khắc Th, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 05/6/2022 đến ngày 12/12/2022, do thấy có một số người có nhu cầu vay tiền để sử dụng cá nhân mà không muốn làm thủ tục vay ngân hàng hay các tổ chức tín dụng. Nguyễn Tuấn Đ làm nghề lao động tự do, không có giấy phép kinh doanh dịch vụ cấp, cho vay tín dụng hoặc hỗ trợ tài chính nhưng vì ham lợi nên nảy sinh ý định cho những người có nhu cầu vay tiền với mức lãi suất cao từ 108%/năm đến 180%/năm (cao gấp từ 5 lần đến 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), nhằm thu lợi bất chính. Khi người vay có nhu cầu vay tiền, Nguyễn Tuấn Đ yêu cầu người vay viết đầy đủ thông tin về ngày vay, số tiền vay, thời gian vay, tài sản và giấy tờ cầm cố nhưng không ghi lãi suất rồi ký, ghi rõ họ tên vào “Giấy bán xe” do Đ đưa sẵn mẫu, người vay tự viết bằng hình thức cầm cố tài sản (xe mô tô, giấy tờ xe, thẻ căn cước công dân). Đ thống nhất với người vay tính một tháng là 30 ngày không kể tháng thiếu hay tháng thừa, 01 tháng trả tiền lãi 01 lần vào ngày trùng của tháng tiếp theo, trả lãi đến khi nào trả hết số tiền gốc đã vay thì Đ sẽ trả lại tài sản người vay đã cầm cố. Trong trường hợp người vay trả tiền gốc trước hạn vẫn phải chịu lãi suất đủ một tháng. Việc giao dịch cho vay lãi nặng của Nguyễn Tuấn Đ, cụ thể như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 12/12/2022 Nguyễn Tuấn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH đi từ nhà ở thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam đến quán “K K” thuộc tổ N, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam do anh Đỗ Văn M sinh năm 1994 làm chủ để làm việc, lúc sau có anh Đặng Thái S đến quán. Gặp nhau, anh S nói “*Anh cho em cầm con xe*” đồng thời chỉ vào chiếc xe Honda Ariblade biển số 90B3-16xxx dựng ở cửa quán. Đ ra kiểm tra xe, đồng ý và nói với S “*Con này được 20.000.000 đồng*”, anh cho vay lãi 4000 đồng/1 triệu/1 ngày, cắt lãi trước 01

tháng, S đồng ý nói “Vâng”, Đ nói “Em viết giấy bán xe đi” đồng thời đưa cho S một tờ giấy có in sẵn mẫu bán xe để S viết thông tin bán xe cho Đ. Sau khi viết xong, S đưa cho Đ Giấy bán xe, đăng ký và chìa khóa chiếc xe. Đ cầm và đưa cho S số tiền 17.600.000 đồng, S cầm tiền Đ đưa thì bị lực lượng Công an phát hiện lập biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng, đồ vật, tài liệu có liên quan.

Với cách thức và thủ đoạn như trên, Nguyễn Tuấn Đ khai nhận trong thời gian từ ngày 05/06/2022 đến ngày 12/12/2022, Đ đã cho 05 người vay tiền để lấy lãi cao với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất từ 108% đến 180%/1 năm, cụ thể:

1. Giao dịch giữa Nguyễn Tuấn Đ và anh Đặng Thái S vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 22/11/2022, Đ cho anh S vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương đương lãi suất cho vay là 180%/năm, lãi suất gấp 09 lần của mức lãi suất cao nhất, bằng việc cầm cố 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer X, biển số 90B3-57xxx. Đ cắt lãi trước 01 tháng số tiền là 3.000.000 đồng đưa cho S số tiền còn lại là 17.000.000 đồng. Ngày 27/11/2022, anh S đến trả số tiền gốc 20.000.000 đồng, Đ trả xe mô tô cho anh S. Trường hợp này anh S không được Đ trả lại số tiền lãi đã thu trước.

Như vậy, số tiền lãi Đ được phép hưởng theo quy định là 328.767 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 12/12/2022, Đ cho anh S vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất cho vay là 144%/năm, lãi suất gấp 7,2 lần của mức lãi suất cao nhất bằng việc cầm cố 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 90B3-16xxx cùng đăng ký xe. Đ cắt lãi trước 01 tháng số tiền là 2.400.000đ còn lại đưa anh S số tiền 17.600.000 đồng thì bị thu giữ. Đến nay anh S chưa trả tiền gốc cho Đ.

Như vậy, số tiền lãi Đ được phép hưởng theo quy định là 328.767 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.071.233 đồng.

Tổng số tiền gốc của 02 lần Đ cho anh S vay là 40.000.000 đồng, số tiền gốc anh S đã trả là 20.000.000 đồng, còn nợ 20.000.000 đồng, tổng số tiền Đ được phép hưởng theo quy định là 657.534 đồng; số tiền Đ thu lợi bất chính là 4.742.466 đồng.

2. Giao dịch giữa Nguyễn Tuấn Đ và anh Lê Ngọc L vay 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 19/11/2022, Đ cho anh L vay số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất cho vay là 108%/năm, lãi suất gấp 5,4 lần của mức lãi suất cao nhất bằng việc cầm cố 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 90B3-16xxx. Đ cắt lãi trước 01

tháng số tiền là 4.500.000 đồng còn lại đưa anh L số tiền 45.500.000 đồng. Ngày 04/12/2022 anh L đã trả số tiền gốc 50.000.000 đồng. Đ trả xe mô tô cho anh L. Anh L cũng không được Đ trả lại số tiền lãi đã thu trước.

Như vậy, số tiền lãi Đ được phép hưởng theo quy định là 821.917 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.678.083 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 10/12/2022, Đ cho anh L vay số tiền 45.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000đ/ngày, tương đương lãi suất cho vay là 108%/năm, lãi suất gấp 5,4 lần của mức lãi suất cao nhất bằng việc cầm cố 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 90B3-16xxx cùng đăng ký xe. Đ cắt lãi trước 01 tháng số tiền là 4.050.000 đồng và đưa anh L số tiền 40.950.000 đồng. Anh L chưa trả số tiền gốc 45.000.000 đồng nên Đ chưa trả xe cho anh Long.

Như vậy, số tiền lãi Đ được phép hưởng theo quy định là 739.726 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.310.274 đồng.

Anh L vay của Đ 95.000.000 đồng, đã trả 50.000.000 đồng, còn nợ 45.000.000 đồng, tổng số tiền Đ được phép hưởng theo quy định là 1.561.643 đồng; số tiền Đ thu lợi bất chính là 6.988.357 đồng.

3. Giao dịch giữa Nguyễn Tuấn Đ và anh Phạm Ngọc Đ1: Vào ngày 06/12/2022, Đ cho anh Đ1 vay số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất cho vay là 144%/năm, lãi suất gấp 7,2 lần của mức lãi suất cao nhất bằng việc cầm cố 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha NVX, biển số 90B7 – 009xxx. Đ cắt lãi trước 01 tháng số tiền là 4.800.000 đồng và đưa anh Đ1 số tiền 35.200.000 đồng. Anh Đ1 chưa trả 40.000.000 đồng tiền gốc nên Đ chưa trả xe cho anh Đ1. Sau đó Đ đã cho anh Nguyễn Văn T ở tổ 6, thị trấn Q mượn chiếc xe để đi lại, chưa trả.

Như vậy, số tiền lãi Đ được phép hưởng theo quy định là 657.534 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 4.142.466 đồng.

4. Giao dịch giữa Nguyễn Tuấn Đ và anh Đỗ Mạnh Q vay 02 lần, cụ thể:

Vào các ngày 05, 21/6/2022 Đ cho anh Q vay mỗi lần số tiền 20.000.000 đồng, đều với lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất cho vay là 144%/năm, lãi suất gấp 7,2 lần của mức lãi suất cao nhất. Đ cắt lãi mỗi lần trước 01 tháng số tiền 2.400.000 đồng, đưa cho anh Q số tiền còn lại là 17.600.000 đồng/01 lần. Ngày 23/7/2022 anh Q trả lãi tháng 8 cho cả 02 khoản vay, đến ngày 14/10/2022 tiếp tục trả lãi tháng 9, 10 cho 02 khoản vay là 2.400.000 đồng/01 tháng, như vậy anh Q đã trả cho Đ 08 tháng tiền lãi của 02 khoản vay (tháng 7,8,9,10/2022) là 9.600.000 đồng/01 khoản. 02 khoản vay tổng lãi là 19.200.000 đồng.

Tổng số tiền gốc của 02 lần Đ cho anh Q vay là 40.000.000 đồng, anh Q chưa trả gốc, tổng số tiền Đ được phép hưởng theo quy định 08 tháng là 2.630.136 đồng; số tiền Đ thu lợi bất chính 08 tháng là 16.569.864 đồng.

Do là người cùng thôn có quan hệ thân thiết nên Đ không cầm cố tài sản gì của anh Q, không yêu cầu anh Q viết giấy vay tiền. Từ sau tháng 10/2022 anh Q xin Đ tiền lãi chỉ trả tiền gốc, Đ đồng ý nên tháng 11, 12 anh Q không phải trả lãi cho Đ.

5. Giao dịch giữa Nguyễn Tuấn Đ và chị Phan Thị B: Vào ngày 28/11/2022, Đ cho chị B vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất cho vay là 144%/năm, lãi suất gấp 7,2 lần của mức lãi suất cao nhất bằng việc cầm cố 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 29X3-411xx và 01 căn cước công dân mang tên Phan Thị B. Đ cắt lãi trước 01 tháng số tiền là 1.200.000 đồng và đưa số tiền 8.800.000 đồng cho chị B. Chị B chưa trả số tiền gốc 10.000.000 đồng nên Đ chưa trả giấy tờ cho chị B.

Như vậy, số tiền lãi Đ được phép hưởng theo quy định là 164.383 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.035.617 đồng.

Tổng số tiền gốc mà Nguyễn Tuấn Đ đã sử dụng cho 05 người vay (anh S, anh L, anh Q, anh Đ1, chị B) là 225.000.000đ gồm: Thu giữ số tiền 17.600.000 đồng, 2.400.000 đồng tiền lãi, số tiền gốc Đ đã thu về là 70.000.000 đồng, còn 135.000.000 đồng chưa thu được, đã thu lãi là 39.150.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền là 33.478.770 đồng, số tiền lãi Đ được phép hưởng theo quy định là 5.671.230 đồng.

Vật chứng thu giữ, tài sản tạm giữ gồm:

- Thu giữ của Nguyễn Tuấn Đ gồm:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đỏ đen, biển số 90B3-16xxx cùng đăng ký xe.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, biển số 90B3-166xx cùng đăng ký xe.

+ 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 29X3-41xx.

+ 01 giấy mượn xe ngày 28/11/2022, người mượn xe: Phan Thị B, người cho mượn xe: Nguyễn Tuấn Đ. Chiếc xe mô tô biển số 29X3-41xxx.

+ 01 giấy bán xe, đề ngày 06/12/2022, người bán xe: Phan Thị B, người mua xe: Nguyễn Tuấn Đ. Số tiền bán xe 10.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô biển số 29X3-41xxx.

+ 01 giấy bán xe, đề ngày 06/12/2022, người bán xe: Phạm Ngọc Đ1, người mua xe: Nguyễn Tuấn Đ. Số tiền bán xe 40.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô biển số 90B7-009xx.

+ 01 giấy bán xe, đề ngày 10/12/2022, người bán xe: Lê Ngọc L, người mua xe: Nguyễn Tuấn Đ. Số tiền bán xe 45.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô biển số 90B3-16xxx.

+ 01 giấy bán xe, đề ngày 12/12/2022, người bán xe: Đặng Thái S, người mua xe: Nguyễn Tuấn Đ. Số tiền bán xe 20.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô biển số 90B3-16xxx.

+ 01 căn cước công dân mang tên Đặng Thái S.

+ 01 căn cước công dân mang tên Phan Thị B.

+ 01 căn cước công dân mang tên Phạm Ngọc Đ1.

- Tạm giữ tại túi áo khoác phía trước bên phải của anh Đặng Thái S số tiền 17.600.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha NVX màu xám đen biển số 90B7-009xx cùng đăng ký xe.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 08/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn Đ về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã bị tạm giữ; phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 17.600.000 đồng; buộc bị cáo Đ phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 75.671.230 đồng; buộc anh L phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 45.000.000 đồng; buộc anh Q phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 40.000.000 đồng; buộc anh Đ1 phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 40.000.000 đồng; buộc chị B phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng; buộc anh S phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.400.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đ phải trả lại cho: Chị B số tiền 1.035.617 đồng; anh Đ1 số tiền 4.142.466 đồng; anh S số tiền 4.742.466 đồng; anh L số tiền 6.988.357 đồng; anh Q số tiền 16.569.864 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tuấn Đ khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim

Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định đó. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Tuấn Đ tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập.

Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 15 giờ ngày 12/12/2022, tại tổ X, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam, bị cáo Nguyễn Tuấn Đ đang thực hiện giao dịch cho anh Đặng Thái S vay số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức viết “Giấy bán xe” nhưng thực chất là cầm cố chiếc xe Honda Ariblade biển số 90B3-16xxx với lãi suất thỏa thuận 4000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, cắt lãi trước 01 tháng số tiền 2.400.000 đồng, còn lại Đ đưa cho anh S số tiền 17.600.000 đồng, anh S cầm tiền Đ đưa thì bị lực lượng Công an phát hiện lập biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng, đồ vật, tài liệu có liên quan.

Ngoài ra, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều xác định cũng với phương thức và thủ đoạn phạm tội như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 05/6/2022 đến ngày 12/12/2022, Nguyễn Tuấn Đ đã cho anh Đặng Thái S, anh Lê Ngọc L, anh Phạm Ngọc Đ1, anh Đỗ Mạnh Q, chị Phạm Thị B nhiều lần vay tiền bằng hình thức cầm cố tài sản là xe mô tô, giấy tờ xe, căn cước công dân với lãi suất thỏa thuận cao từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất cho vay từ 108% đến 180%/năm, lãi suất gấp từ 5,4 lần đến 9 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự với tổng số tiền vay gốc là 225.000.000 đồng, trong đó thu giữ số tiền 17.600.000 đồng, tổng số tiền gốc Đ đã thu về là 70.000.000 đồng, còn lại số tiền gốc 137.400.000 đồng chưa thu được; tổng số tiền lãi Đ được phép hưởng theo quy định là 5.671.230 đồng; tổng số tiền Đ đã thu lợi bất chính là 33.478.770 đồng; Đ không được hưởng số tiền nhằm thu lợi bất chính của anh Q.

Tính chất, mức độ tội phạm bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Bị cáo đã một lần bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Hình phạt chính: Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần xử phạt nghiêm minh bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó cũng cần đối trừ với 09 ngày bị cáo đã bị tạm giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

[4.2] Về khấu trừ thu nhập: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4.3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền ở mức thấp nhất theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Phan Thị B yêu cầu Điệp trả lại số tiền 1.035.617; anh Phạm Ngọc Đ1 yêu cầu Đ trả lại số tiền 4.142.466 đồng; anh Đặng Thái S yêu cầu Đ trả lại số tiền 4.742.466 đồng; anh Lê Ngọc L yêu cầu Đ trả lại số tiền 6.988.357 đồng; anh Đỗ Mạnh Q yêu cầu Đ trả lại số tiền 16.569.864 đồng là tiền bị Đ thu lợi bất chính. Tại phiên tòa bị cáo Đ nhất trí trả lại toàn bộ số tiền nêu trên, vì vậy cần buộc bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền theo yêu cầu nêu trên của chị B, anh Đ1, anh S, anh L, anh Q.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[6.1] Đối với số tiền 17.600.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Đặng Thái S là tiền Đ cho anh S vay, đây là tiền bị cáo sử dụng vào mục đích

phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền gốc 70.000.000 đồng (gồm: Anh Đặng Thái S trả cho Đ 20.000.000 đồng, anh Lê Ngọc L trả cho Đ 50.000.000 đồng), số tiền lãi suất cao nhất theo quy định là 5.671.230 đồng đến nay Đ chưa giao nộp, tổng cộng là 75.671.230 đồng là tiền sử dụng vào mục đích phạm tội và tiền thu lời bất chính nên cần buộc bị cáo phải nộp toàn bộ số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.3] Đối với số tiền 137.400.000 đồng là số tiền gốc bị cáo Đ chưa thu được của chị Phan Thị B, anh Đỗ Mạnh Q, anh Phạm Ngọc Đ1, anh Lê Ngọc L, anh Đặng Thái S nhưng đến nay những người này chưa giao nộp, cụ thể gồm: Chị B 10.000.000 đồng, anh L 45.000.000 đồng, anh Q 40.000.000 đồng, anh Đ1 40.000.000 đồng, anh S 2.400.000 đồng là tiền sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần buộc những người này phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.4] Đối với các vật chứng là 01 giấy mượn xe và 04 giấy bán xe là những tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được đánh số bút lục nên cần tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[6.4] Đối với chiếc xe mô tô biển số 90B3-16xxx là tài sản hợp pháp của anh Lê Ngọc L; chiếc xe mô tô biển số 90B3-16xxx cùng đăng ký xe, căn cước công dân mang tên Đặng Thái S là tài sản hợp pháp của anh Đặng Thái S; chiếc xe mô tô biển số 90B7-009xx cùng đăng ký xe, căn cước công dân mang tên Phạm Ngọc Đ1 là tài sản hợp pháp của anh Phạm Ngọc Đ1; 01 căn cước công dân mang tên Phan Thị B cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe là giấy tờ hợp pháp của chị Phan Thị B. Những chiếc xe trên không phải là vật chứng của vụ án khác, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cùng các giấy tờ có liên quan cho các chủ sở hữu và các giấy tờ có liên quan cho chị B là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 36; Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn Đ phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*". Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", được trừ 09 (chín) ngày đã bị tạm giữ; thời gian cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (một) năm 02 (hai) tháng 03 (ba) ngày, tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập để nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tuấn Đ số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn Đ phải trả lại cho những người sau đây số tiền như sau: Chị Phan Thị B 1.035.617đ (một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng); anh Phạm Ngọc Đ1 là 4.142.466đ (bốn triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng); anh Đặng Thái S 4.742.466đ (bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng); anh Lê Ngọc L 6.988.357đ (sáu triệu chín trăm tám mươi tám nghìn ba trăm năm bảy đồng); anh Đỗ Mạnh Q 16.569.864đ (mười sáu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng).

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 17.600.000đ (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). (Theo Ủy nhiệm chi số 07 lập ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Kho bạc Nhà nước huyện Kim Bảng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn Đ phải nộp số tiền 75.671.230đ (bảy mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị Phan Thị B phải nộp số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Đỗ Mạnh Q phải nộp số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Phạm Ngọc Đ1 phải nộp số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Lê Ngọc L phải nộp số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Đặng Thái S phải nộp số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn Đ phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Công an huyện Kim Bảng;
- UBND xã Thi Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Thọ

[6.1] Quá trình điều tra, Nguyễn Huy Hùng đã tự nguyện giao nộp số tiền 182.900.000 đồng là số tiền lãi Hùng đã thu của chị Hạnh, anh Mạnh, chị Hoa, chị Khanh, chị Nga, chị Dung, anh Hào. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Nga số tiền 36.246.577 đồng, trả cho chị Lê Thị Hồng Hoa số tiền 735.616 đồng là tiền Hùng đã thu lời bất chính của chị Nga và chị Hoa, sau khi nhận lại tiền chị Nga không có yêu cầu đề nghị gì thêm; riêng chị Hoa đề nghị trả lại số tiền 5.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ, đối với số tiền Hùng thu lời bất chính còn lại của chị thì chị không có yêu cầu nhận lại, chị tự nguyện nộp số tiền đó vào ngân sách Nhà nước. Đối với chị Hạnh, anh Mạnh, chị Khanh, chị Dung, anh Hào đều yêu cầu Hùng trả lại số tiền Hùng đã thu lời bất chính, cụ thể: Chị Đỗ Thị Hạnh yêu cầu số tiền 20.712.329 đồng, anh Trần Hùng Mạnh yêu cầu 10.356.166 đồng, chị Trương Thị Khanh yêu cầu 27.959.687 đồng, chị Đặng Thị Kim Dung yêu cầu 17.260.276 đồng, anh Bùi Văn Hào yêu cầu 22.074.887 đồng. Tại giai đoạn điều tra, bị cáo Hùng đã tự nguyện giao nộp số tiền 145.917.807 đồng là tiền thu lời bất chính để trả lại cho những người có yêu cầu nêu trên cũng như để nộp vào ngân sách Nhà nước, vì vậy cần trả lại số tiền theo yêu cầu như trên của chị

Hạnh, anh Mạnh, chị Khanh, chị Dung, anh Hào nhưng sẽ giữ lại để đối trừ với số tiền gốc mà những người này phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền 85.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ là tiền do chị Lê Thị Hồng Hoa trả cho bị cáo Hùng 80.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay ngày 27/6/2022 và số tiền 182.900.000 đồng do bị cáo Hùng tự nguyện giao nộp, tổng cộng là 267.900.000 đồng, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Nga 36.246.577 đồng và trả lại cho chị Lê Thị Hồng Hoa 735.616 đồng là đúng quy định pháp luật; ngoài ra chị Hoa tự nguyện đề nghị nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền còn lại bị Hùng thu lời bất chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của chị Hoa. Cụ thể số tiền 230.918.000 đồng, trong đó có 80.000.000 đồng là tiền Hùng sử dụng vào mục đích phạm tội và 47.554.655 đồng là tiền Hùng thu lời bất chính và tiền chị Hoa không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; đối với số tiền 5.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ của chị Hoa là tiền chính đáng không liên quan đến tội phạm và chị Hoa có yêu cầu trả lại nên sẽ trả lại cho chị Hoa; còn lại số tiền 98.363.345 đồng bị cáo Hùng thu lời bất chính được trả lại cho các cá nhân gồm: Chị Đỗ Thị Hạnh 20.712.329 đồng, anh Trần Hùng Mạnh 10.356.166 đồng, chị Trương Thị Khanh 27.959.687 đồng, chị Đặng Thị Kim Dung 17.260.276 đồng, anh Bùi Văn Hào 22.074.887 đồng, nhưng sẽ sung vào ngân sách Nhà nước và sẽ đối trừ vào số tiền gốc vay là tiền sử dụng vào mục đích phạm tội những người này phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.